

Bản án số: 13 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Đắc Thắng;
Bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Thiên P, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ M phường TS, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Bích T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Địa chỉ: Tổ M phường TS, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày: Anh Huỳnh Thiên P và chị Trần Thị Bích T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường TS, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 22/10/2007. Sau khi cưới vợ chồng sống chung cùng với gia đình anh P sau đó ra làm nhà ở riêng. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cuộc sống vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt nên thường xuyên cãi vã nhau. Mỗi khi vợ chồng mâu thuẫn chị T bỏ nhà đi, sau đó anh P thuyết phục thì chị T quay về nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn tiếp nên anh P nộp đơn khởi kiện ly hôn. Trong quá trình tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì chị T bỏ đi hiện nay không biết chị T cư trú ở đâu. Anh P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị T. Về con chung, anh P và chị T có 02 con chung là cháu Huỳnh Thiên L, sinh ngày 01/7/2008 và cháu Huỳnh Thị Thiên T1, sinh ngày 18/4/2014 anh P yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Bích T trình bày trong bản khai ngày 02/10/2019 và các biên bản hòa giải tại Tòa án như sau: Chị T và anh P tự nguyện kết hôn có

đăng ký kết hôn như anh P trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và không đồng nhất trong mọi quan điểm của cuộc sống, không hòa hợp trong hôn nhân vì vậy cuộc sống không có hạnh phúc nên chị T cũng đồng ý ly hôn với anh P. Về con chung chị, có 02 con chung anh P trình bày. Chị T trình bày không muốn chia các con nên yêu cầu được nuôi cả 02 con. Về cấp dưỡng chị T để anh P tự cấp dưỡng cho con chứ chị T không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung, chị T tự thỏa thuận với anh P chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Thiên P. Về hôn nhân cho anh P được ly hôn với chị T. Về con chung giao 02 con chung là cháu Huỳnh Thiên L, sinh ngày 01/7/2008 và cháu Huỳnh Thị Thiên T1, sinh ngày 18/4/2014 cho chị Trần Thị Bích T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh P phải cấp dưỡng 3.000.000đ để chị T nuôi 02 con chung. Về án phí và chi phí Tố tụng, anh P phải chịu theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Huỳnh Thiên P yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Bích T, khi tòa án thụ lý chị T cư trú tại phường Tây Sơn, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn. Bị đơn chị Trần Thị Bích T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Vì thế theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Thiên P và chị Trần Thị Bích T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh P và chị T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh P và chị T có phát sinh mâu thuẫn không thể sống chung được, anh P đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T. Trong bản khai của chị T cũng như trong những các lần hòa giải chị T cho rằng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể sống chung được nữa nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh P, còn anh P thì giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh Huỳnh Thiên P được ly hôn với chị Trần Thị Bích T.

[4] Về con chung: Anh P và chị T có 02 con chung là cháu Huỳnh Thiên L, sinh ngày 01/7/2008 và cháu Huỳnh Thị Thiên T1, sinh ngày 18/4/2014. Trong các bản khai và các biên bản hòa giải chị T đều yêu cầu được nuôi cả 02 con. Tại phiên tòa anh P cũng đồng ý để các con cho chị T nuôi vì hiện nay các con

đang ở với chị T. Xét thấy, các con hiện nay đang ở với chị T, hơn nữa, các cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, cũng như qua xem xét ý kiến cháu Huỳnh Thiên L thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ để được sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, không nên làm đảo lộn cuộc sống, sinh hoạt bình thường của các con nên chấp nhận yêu cầu của chị T; giao cả 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù chị T không có mặt tại phiên tòa để yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nhưng tại phiên tòa anh P tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng để chị T nuôi 02 con chung. Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, việc anh P tự nguyện cấp dưỡng cho các con không trái pháp luật nên chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng từ 8/2020 cho đến khi cháu L và cháu T1, thành niên và tự lực được.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T, anh P chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí, chi phí tố tụng. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng. Đối với chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, Báo nhân dân số tiền 3.300.000đ và Đài Tiếng nói Việt Nam số tiền 1.050.000đ. Anh P là người yêu cầu nên phải chịu theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 180, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thiên P.

1. Về hôn nhân: Anh Huỳnh Thiên P được ly hôn với chị Trần Thị Bích T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị Bích T trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Huỳnh Thiên L, sinh ngày 01/7/2008 và cháu Huỳnh Thị Thiên T1, sinh ngày 18/4/2014 cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Huỳnh Thiên P, phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để chị T nuôi 02 con chung là Huỳnh Thiên L, sinh ngày 01/7/2008 và cháu Huỳnh Thị Thiên T1, sinh ngày 18/4/2014. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu L và cháu T1 thành niên và tự lực được.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất theo các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trường hợp không thỏa thuận được thì mức lãi xuất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về chi phí Tố tụng: Anh Huỳnh Thiên P phải chịu 4.350.000đ chi phí tố tụng. Anh P đã nộp đủ chi phí tố tụng.

5. Về án phí: Buộc anh Huỳnh Thiên P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được trừ vào tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004129 ngày 27/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Anh P còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

6. Thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án ngày 18/8/2020 để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND phường Tây Sơn, TX. A (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn